

Bản án số: 11/2020/HS-ST
Ngày 25 tháng 3 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Sách.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

Ông Nguyễn Thành Dân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2020/TLHS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

*** Trần Văn T**, sinh năm: 1981, tại tỉnh Đồng Tháp; *Nơi cư trú:* ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; *Nghề nghiệp:* Làm thuê; *Trình độ học vấn:* 4/12; *Giới tính:* Nam; *Quốc tịch:* Việt Nam; *Dân tộc:* Kinh; *Tôn giáo:* Không; *Con ông:* Trần Văn T, sinh năm: 1936 (chết năm 2020) và bà: Nguyễn Thị N, sinh năm: 1943 (chết); *Có sống như vợ chồng với:* chị Trần Thị Trúc P, sinh năm: 1979 (từ năm 2017 đến nay không còn sống chung), chưa có con chung; *Tiền án, Tiền sự:* Chưa có. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

- Người bị hại: Anh Quách Văn H, sinh năm: 1988. (Có đơn xin vắng mặt)

Cư trú: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Quách Văn H, sinh năm: 1984 (anh của bị hại H). (Vắng mặt)

Cư trú: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Anh Lê Chí B, sinh năm: 1978. (Vắng mặt)

Cư trú: ấp P,, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

- Người làm chứng:

1. Anh Quách Văn S, sinh năm: 1980 (Cháu bị hại H). (Vắng mặt)
2. Bà Nguyễn Thị Cẩm C, sinh năm: 1948 (mẹ của bị hại H). (Vắng mặt)

Cùng cư trú: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài, và thường đi chơi chung với anh Quách Văn H (anh, em cô cậu với Trần Văn T), biết anh H có chiếc xe mô tô hay dựng (đậu) cặp vách nhà, nên bị cáo Trần Văn T nảy sinh ý định trộm xe của anh H bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 23 giờ ngày 07-12-2019 bị cáo T đi bộ đến nhà anh Quách Văn H cùng địa chỉ với bị cáo T thuộc ấp P, xã P, huyện H thì thấy chiếc xe mô tô biển số 67K1-534-51 của anh H dựng (đậu) cặp vách nhà không khóa, người trong nhà đã ngủ, bị cáo T đi vào lấy xe dẫn ra đường lộ (cách khoảng 30 mét) rồi rút dây điện mát và đạp nổ máy xe chạy đến Bệnh viện đa khoa khu vực H (thuộc thị xã H, tỉnh Đồng Tháp) để thăm ông Trần Văn T (cha ruột của bị cáo T) đang nằm điều trị bệnh tại đây. Đến sáng ngày 08-12-2019 bị cáo T điều khiển xe trộm được chạy đến cửa khẩu Cầu Muống (thuộc xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp) và sang Casino phía Vương Quốc Campuchia cầm xe cho một người không biết tên được số tiền 3.000.000 đồng, rồi bị cáo T vào sòng bạc đánh bạc (đá gà) thua hết, sau đó bị cáo T ra yêu cầu người nhận cầm xe cầm thêm 500.000 đồng, nhưng người nhận cầm xe này không đồng ý, lúc này bị cáo T gặp một người chạy xe đồ (không biết tên) kêu cầm lại xe, người chạy xe đồ này đồng ý rồi cùng với bị cáo T đi chuộc lại xe chỗ người nhận cầm xe trước, người nhận cầm xe sau đưa thêm cho bị cáo T 500.000 đồng và giữ lại xe, hứa khi nào có tiền lên chuộc xe.

Về phần anh Quách Văn H (chủ xe), thì đến khoảng 04 giờ sáng ngày 08-12-2019 khi thức dậy thấy xe mình bị mất và đi tìm nhưng không gặp, nên trình báo Công an Xã. Đến ngày 09-12-2019 bị cáo T đến gặp gia đình anh H tự thú là mình đã trộm xe của anh H, rồi mượn tiền của anh H (anh của anh H) và cùng anh H, anh H, anh S (Cháu anh H) đi sang Campuchia chuộc xe trả lại cho anh H, sau đó bị cáo T cùng với anh H đến Công an xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp thừa nhận toàn bộ việc mình thực hiện hành vi trộm như nêu trên.

Vật chứng của vụ án: 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu WEINA, biển số 67K1-534-51, số máy FMG310774698, số khung G00314015995, màu sơn nâu (đã qua sử dụng) và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 67K1-534-51 đứng tên Lê Chí B.

Theo kết luận định giá tài sản số: 22/KLHĐĐGTS-TTHS ngày 19-12-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H: Chiếc xe mô tô, nhãn hiệu WEINA, biển số 67K1-534-51, số máy FMG310774698, số khung G00314015995, màu sơn nâu (đã qua sử dụng) do T trộm của anh H, trị giá: 4.500.000 đồng.

Theo Bản cáo trạng số: 09/CT-VKSHN, ngày 21-02-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố đối với Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Văn T, từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng; Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Đã xử lý xong, nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án hình sự, theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Trần Văn T về hành vi “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, và vụ án xảy ra tại địa phận huyện H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì Tòa án có triệu tập những người tham gia tố tụng, nhưng tại phiên tòa thì người bị hại đã có đơn xin vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều vắng mặt không lý do (mặc dù đã được triệu tập hợp lệ). Xét thấy qua ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, và bị cáo, thì việc vắng mặt những người nêu trên không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, vả lại họ đã có lời khai, ý kiến tại Cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử

đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Tại phiên tòa bị cáo đã tự nguyện khai nhận hành vi phạm tội của mình, không bị ép buộc; Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Nên Hội đồng xét xử không đặc vấn đề giải quyết.

[2]. Về nội dung vụ án:

Theo hồ sơ thể hiện, cũng như tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T đã hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Trần Văn T là người đã thành niên, đầy đủ năng lực hành vi, trong cuộc sống do không có nghề nghiệp ổn định, bản thân đang nhiễm bệnh HIV/AIDS, nhưng lại có nhu cầu đua đòi về vật chất và còn tham gia vào tệ nạn xã hội (đánh bạc, đá gà), cũng như cần có tiền tiêu xài cá nhân, nên đã nảy sinh ý định đi trộm xe của anh Quách Văn H (anh em cô cậu với mình). Cụ thể khoảng 23 giờ ngày 07-12-2019 bị cáo Trần Văn T đi bộ đến nhà anh Quách Văn H thực hiện hành vi lén lúc trực tiếp trộm hoàn thành chiếc xe mô tô, nhãn hiệu WEINA, biển số 67K1-534-51, số máy FMG310774698, số khung G00314015995, màu sơn nâu (đã qua sử dụng) của anh H dựng cặp vách nhà, không khóa, trong nhà mọi người đã ngủ, rồi đạp nổ máy xe chạy đi sang Casino bên Vương Quốc Campuchia cầm được số tiền 3.500.000 đồng vào đánh bạc (đá gà) thua và tiêu xài hết. Theo kết luận định giá tài sản số: 22/KLHĐĐGTS-TTHS ngày 19-12-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, thì chiếc xe nêu trên trị giá: 4.500.000 đồng. Hội đồng xét xử, xét thấy lời khai nhận của bị cáo Trần Văn T phù hợp với lời khai người bị hại, người liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án, cũng như diễn biến tranh tụng tại phiên tòa, đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, như Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....”

Dưới chế độ Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của ta, thì tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tài sản hợp pháp của công dân, của Nhà nước đều được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến đều bị pháp luật

trừng trị. Vậy mà bị cáo Trần Văn T lại bất chấp nguy hiểm, bất chấp pháp luật, liều lĩnh lợi dụng trong đêm khuya khi không có ai trông coi tài sản lén lút vào lấy trộm hoàn thành chiếc xe mô tô của anh H trị giá 4.500.000 đồng, hành vi này đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của anh H một cách trái pháp luật, nên sẽ bị pháp luật trừng trị. Việc bị cáo Trần Văn T cố ý trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là đã thể hiện một bản chất lười biếng lao động, xem thường pháp luật, chấp nhận đánh đổi phẩm giá của mình bằng con đường phạm tội. Đáng lý ra bị cáo Trần Văn T phải có suy nghĩ rằng mình đang bị nhiễm HIV/AIDS, vợ thì bỏ đi không còn sống chung, cha đang bệnh (mới chết đầu năm 2020), thì phải tự tin lên, tạo cho mình cuộc sống ổn định, có công ăn, việc làm chân chính để có thu nhập hợp pháp nuôi sống bản thân và phụ giúp gia đình, cũng như an tâm trong việc điều trị bệnh, đằng này bị cáo Trần Văn T không làm được điều đó mà lại chọn con đường phạm tội (*vì bị cáo biết trộm tài sản người khác là vi phạm pháp luật*), để rồi phải đứng trước phiên tòa chờ phán quyết của pháp luật như ngày hôm nay. Từ đó, xét thấy hành vi bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, làm hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an ở địa phương, nên cần phải có một mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với ý thức, mức độ, hậu quả của hành vi bị cáo gây ra, để nhằm giáo dục bị cáo có ý thức tốt hơn trong việc chấp hành pháp luật, giác ngộ sửa chữa lỗi lầm, phấn đấu trở thành công dân tốt có ích cho bản thân, gia đình và xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho những ai thiếu ý thức, bất chấp pháp luật, xem thường tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác như bị cáo Trần Văn T.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo Trần Văn T sau khi trộm đã có suy nghĩ đúng đắn, nên về tự thú việc mình trộm xe của anh H với gia đình anh H, khi chưa ai phát hiện và trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; Có ông nội tên Trần Văn T là liệt sĩ; Được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Nên xem đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, để giảm nhẹ cho bị cáo Trần Văn T một phần hình phạt, và qua đó thấy rằng bị cáo Trần Văn T có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, đồng thời để tạo điều kiện cho bị cáo điều trị bệnh HIV/AIDS, nên nghĩ không cần thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo Trần Văn T được hưởng án treo, giao về cho Chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện để bị cáo Trần Văn T sửa chữa lỗi lầm, trở thành con người tốt. Đó là tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[3]. *Về vật chứng*: Chiếc xe mô tô, nhãn hiệu WEINA, biển số 67K1-534-51, số máy FMG310774698, số khung G00314015995, màu sơn nâu (đã qua sử dụng), do anh Lê Chí B đứng tên giấy đăng ký, nhưng đã bán lại cho anh Quách Văn H (anh của bị hại H), rồi anh H bán lại cho anh Quách Văn H, đều chưa qua thủ tục sang tên sở hữu, nhưng anh B và anh H đều thừa nhận đã bán đến anh H thì thuộc quyền sở hữu của anh H, các anh không yêu cầu và tranh chấp gì trong vụ án. Từ đó thấy rằng việc Cơ quan điều tra đã giao trả xe trên lại cho anh H quản lý, sử dụng là phù hợp, nên không xem xét giải quyết lại.

[4]. *Về trách nhiệm dân sự*: Do trong vụ án các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5]. *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí, thì bị cáo Trần Văn Tùng thuộc trường hợp phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015; Các Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T: 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm kể từ ngày tuyên án (ngày 25-3-2020).

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Trần Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã xử lý xong ở giai đoạn điều tra và nay các đương sự không yêu cầu gì thêm, nên không xem xét giải quyết lại.

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Trần Văn T nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo Trần Văn T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (25-3-2020). Đối với người bị hại Quách Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quách Văn H, Lê Chí B được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án theo quy định.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện H;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THADS huyện H;
- Cơ quan điều tra huyện H;
- Cơ quan thi hành án hình sự huyện H;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã P, huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Quốc Sách